

VỀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRỘI CỦA ĐẠO PHẬT
TRONG TƯƠNG QUAN "TAM GIÁO" NHO - PHẬT - LÃO
(TỪ THẾ KỶ I - CUỐI THẾ KỶ XIV) Ở VIỆT NAM
VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ.

PHẠM VĂN SINH⁺

Khi nghiên cứu lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam chúng ta bắt gặp hiện tượng cùng tồn tại song song của ba đạo: Nho - Phật - Lão. Hiện tượng này đã từng dẫn tới "ý tưởng" tìm sự "đồng nguyên" của chúng, mà Ngô Thời Nhậm với "Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh" là một thí dụ điển hình. Khi khảo cứu về nguyên nhân của hiện tượng này đã có nhà nghiên cứu cho rằng: "Đó chỉ là thừa tiếp dư ba của phương Bắc trong điều kiện và hoàn cảnh tương tự".⁽¹⁾

Có thể điều này là đúng, song vấn đề còn được đặt ra là: Vì sao cái "dư ba" này lại có thể tồn tại lâu dài đến gần hai nghìn năm lịch sử ở Việt Nam? Nếu giải thích điều đó từ "điều kiện lịch sử và hoàn cảnh tương tự" giữa Việt Nam và Trung Quốc thì chưa đủ sức thuyết phục. Một vấn đề khác cũng được nêu ra là: Cái "dư ba" này ở Việt Nam có đặc điểm gì khác với nơi đã phát xuất ra nó (là phương Bắc)? Chính việc giải quyết câu hỏi này sẽ góp phần làm rõ những nét đặc thù trong lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam. Và, cũng chính tại điểm này còn cần làm sáng tỏ những nguyên nhân lịch sử nào đã tạo ra những nét đặc thù ấy?

1- Xuất phát từ cách đặt vấn đề như vậy, khi nghiên cứu hiện tượng "hòa đồng" của ba đạo Nho - Phật - Lão trong lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam chúng ta có thể nhận thấy một đặc điểm đáng được lưu tâm: Đó là xu hướng phát triển trội của đạo Phật trong tương quan "tam giáo hòa đồng": Nho - Phật - Lão vào khoảng thời gian từ thời kỳ đầu của sự du nhập tới cuối thế kỷ XIV; tức là trong khoảng thời gian thời gian trên mười thế kỷ. Đặc điểm này đã được một số nhà nghiên cứu chỉ ra trên những phương diện khác nhau. Chẳng hạn, có tác giả khi đề cập tới *lịch sử tư tưởng triết học* ở Việt Nam đã nhận định: "Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam từ những thế kỷ đầu tiên đến cuối thế kỷ XIV có thể nói chủ yếu là lịch sử tư tưởng Phật giáo"⁽²⁾. Một tác giả khác khi xét lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ XIV cũng đã kết luận:

(+) Trường đại học Kinh tế quốc dân

"Thế là từ thế kỷ thứ VII cho đến thế kỷ XIV có ảnh hưởng nhất trong tư tưởng nước ta là Phật giáo Thiền tông"... (3).

Những nhân định như vậy là xuất phát từ thực tế lịch sử.

Như chúng ta đều biết, vào những thế kỷ đầu công nguyên, Việt Nam (với đại diện là trung tâm Luy lâu) đã có được những điều kiện khá đặc biệt về địa lý (nằm trong khu vực có sự giao lưu kinh tế, văn hóa và tư tưởng giữa Ấn Độ và Trung Hoa); về kinh tế và chính trị (Luy lâu là một trong ba trung tâm kinh tế - chính trị lớn thuộc lãnh thổ của đế quốc Hán), nên đã từng là nơi giao tiếp, hội họp của cả hai nền văn hóa lớn: đại diện cho Trung Hoa là đạo Nho và đạo Lão, đại diện cho Ấn độ là đạo Phật. Song vào những thế kỷ đầu công nguyên đạo Phật đã nhanh chóng bám rễ và phát triển mạnh trong hầu hết các tầng lớp dân cư: từ quần chúng nhân dân lao động nghèo khổ tới giới trí thức thượng lưu và đội ngũ quan lại, mà phần lớn chắc là người Hán. Trong khi đó Nho và Lão chủ yếu mới ảnh hưởng có mức độ nào đó trong giới trí thức và quan lại đương thời.

Cho tới nay, dầu chưa thật đầy đủ những tài liệu lịch sử cho thấy điều đó đã diễn ra đến mức độ nào nhưng trên cơ sở của những gì mà lịch sử còn lưu giữ được đã cho ta thấy đạo Phật có khuynh hướng phát triển trội hơn so với đạo Nho và đạo Lão trong các tầng lớp dân cư hồi bấy giờ.

Ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, nhiều yếu tố của đạo Phật đã nhanh chóng trở thành những yếu tố của đạo Phật đã nhanh chóng trở thành những yếu tố của một nền *tín ngưỡng* và *văn hóa* của người dân Việt cổ: đó là tín ngưỡng về "Hòn đá sáng" (Thạch quang) cùng với "bốn pháp" (từ pháp: Vân - Vũ - Lôi - Điện) mà nguồn gốc của chúng gắn liền với huyền thoại về một "cuộc tình" không hẹn trước đây tính linh diệu giữa sư Khâu - đà - la và gái Man-nương (còn được chép trong "Linh nam trích quái") nói lên sự hòa trộn giữa hai nền tín ngưỡng Ấn - Việt; Đó còn là sự tích về Chủ đồng tử và Tiên Dung đã giác ngộ đạo Phật đến mức sẵn sàng bỏ cả gia sản để tu hành; đó còn là sự xuất hiện của ông Bụt trong những câu truyện dân gian đầy triết lý nhân bản như truyện "Tấm - Cám"...

Trong nhân dân "ít học" đã vậy, trong giới trí thức cũng có hiện tượng đề cao đạo Phật hơn Nho và Lão. Những tài liệu nói về hiện tượng này còn lại đến nay không nhiều; tác phẩm "Lý hoắc luận" của Mâu Bác là một tài liệu hiếm và quý vì nó cho ta biết phần nào quan điểm của giới trí thức thời đó đối với ba đạo Nho - Phật - Lão. Có một điều đáng lưu ý là nếu cứ theo những điều được ghi trong "Lời tựa" của sách "Lý hoắc luận" thì có thể coi Mâu Bác là bậc "đại trí thức" đương thời: "Mâu tử tôi với kinh truyện chủ gia, sách lớn, sách nhỏ, không sách nào là không mê" (4). Bản thân ông là người đã từng là môn đệ của Nho và Lão nhưng cuối cùng thì ông đã "giác ngộ" con đường của Phật. Trong "Lý hoắc luận" Mâu Bác đã đưa ra cái tư tưởng hòa đồng giữa ba đạo, coi đó là những phương tiện khác nhau để cùng đạt tới chân lý, song ông đặc biệt đề cao đạo Phật: "đạo Phật giống như giếng trời, Khổng và Lão giống như hang và khe; đạo Phật giống như mặt trời, Khổng và Lão chỉ là ngọn đuốc ..." (5) hoặc cho rằng những người thầy của Nho như Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng tuy là bậc thánh nhưng so với Phật cũng chỉ như hươu trắng so với kỳ lân, chim chóc so với phượng hoàng (vấn đáp 7).

Đối với giới quan lại thời ấy cũng có xu hướng tôn sùng đạo Phật. Sử còn ghi Sĩ Vương "Khi ra vào thì đánh chuông khánh, uy nghi đủ hết, kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy

đường, người Hồ đi sát bánh xe để đốt hương thường có đến mấy mươi người" (6).

Như vậy, có thể thấy rằng ở giai đoạn đầu của thời kỳ du nhập đạo Phật đã có xu hướng phát triển trội trong thế "tam giáo hòa đồng": Nho - Phật - Lão.

Xu hướng này còn diễn ra trong suốt thời kỳ Bắc thuộc và khi nước nhà giành được quyền tự chủ (từ năm 938 với việc Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên Bạch Đằng giang) thì xu hướng này lại càng được bộc lộ một cách rõ ràng hơn và nó đã kéo dài trong suốt các triều đại Đinh - Lê (tiền) - Lý - Trần. Điều đó đã được trình bày khá đầy đủ trong điều nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Chính xu hướng này đã tạo cho đạo Phật có được cái vị trí là cái trục cơ bản của sinh hoạt tư tưởng và văn hóa của con người Việt Nam trong suốt bốn thế kỷ đầu của thời kỳ xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập. Ngay dưới thời Trần, khi mà đạo Nho đã rất thịnh đạt nhưng nghiên cứu nhiều trung tâm văn hóa lớn của nước ta thời ấy người ta vẫn thấy được vị trí trung tâm của đạo Phật trong các cộng đồng hội nhập văn hóa của một thời đại, chẳng hạn như trung tâm Quỳnh Lâm (7).

2- Giải thích xu hướng này như thế nào? Nguyên nhân lịch sử nào đã làm cho đạo Phật có được sự phát triển trội trong tương quan của thế "tam giáo hòa đồng"? Bởi đây không phải là một sự lầm lỡ nhất thời của lịch sử mà như một xu hướng mang tính tất yếu trong khoảng trên một ngàn năm đấu tranh giành độc lập và bước đầu xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập của nước ta.

Một số nhà nghiên cứu khi xem xét các giai đoạn cụ thể trong khoảng thời gian nói trên đều đã có những nhận định về nguyên nhân của hiện tượng này. Thường có những cách giải thích khác nhau. Chung qui lại, có mấy quan điểm như sau:

- **Quan điểm thứ nhất:** Xuất phát từ yếu tố tâm lý xã hội mà cho rằng sở dĩ Nho không được coi trọng như Phật vì "Nho giáo tự trình diện như công cụ chính thức và chủ yếu của nhà cầm quyền đô hộ để cai trị dân Giao chi" (8), hoặc vì "người dân Giao châu có mặc cảm cho Nho là hệ tư tưởng của kẻ xâm lược. Trong khi đó Phật lại xiển dương học thuyết cứu khổ, từ bi, bác ái, bình đẳng" (9).

Có lẽ do xuất phát từ quan điểm thuộc loại này nên có nhà nghiên cứu khi khảo sát về nguyên nhân xuất hiện của phái Trúc lâm (đời Trần) đã viết: "Lý do khiến cho Trần Nhân Tông lập ra một phái Phật giáo mới này cũng dễ hiểu. Vua tôi nhà Trần cùng với nhân dân nước Đại Việt vừa đánh đuổi quân xâm lược hung hãn từ phương Bắc lại. Quân xâm lược đã tàn phá nước Đại Việt, đã giết hại nhân dân nước Đại Việt một cách rất dã man. Người nước Đại Việt không có lý do gì để thần phục bọn phong kiến phương Bắc về mặt tư tưởng nữa. Đã đành Phật giáo không phải là sản phẩm của Trung Quốc, nhưng từ lâu Phật giáo không do từ Ấn Độ mà do từ Trung Quốc truyền vào nước Đại Việt. Vua tôi nhà Trần thấy không thể theo cái tôn giáo từ Phương Bắc đưa vào nước Đại Việt được nữa. Họ thấy họ phải độc lập về Phật giáo đối với Trung Quốc. Đó là lý do chủ yếu khiến cho vua Trần Nhân Tông đã cùng với Pháp Loa và sư Huyền Quang sáng lập ra phái Trúc Lâm, một phái Phật giáo do Người Việt Nam sáng lập để truyền bá ở Việt Nam" (10).

Tóm lại thì quan điểm này có xu hướng xuất phát từ yếu tố tâm lý xã hội "mặc cảm" hay "ác cảm" hoặc "đối lập" giữa người Việt Nam với bọn xâm lược, thống trị phương

Bắc đê giải thích nguyên nhân sự phát triển trội của đạo Phật so với Nho và Lão (đặc biệt là với Nho).

- **Quan điểm thứ hai:** Xuất phát từ ý thức xã hội và phương pháp tư duy đê giải quyết vấn đê này. Chẳng hạn có nhà nghiên cứu, sau khi phê bình quan điểm theo kiểu quan điểm thứ nhất, đê khẳng định "Xin hãy đi vào ý thức xã hội và phương thức tư duy mà nhìn vấn đê".

Có lẽ chúng ta không đên nỗi khó nhất trí hay là cơ bản đồng ý với nhau rằng thời "Bắc Thuộc" ý thức sống cộng đồng hỗn nhiên là đại thể phổ biến trong đất nước, xã hội, và phương thức tư duy chung là phương thức tư duy thần học. Những đạo lý học thuật cao siêu không đê lan truyền trong dân chúng (tức chỉ Nho - T.G) còn tôn giáo thì lại có nhiều điều kiện thuận lợi đê bén rễ rộng khắp (tức chỉ đạo Phật - TG)" (11).

- **Quan điểm thứ ba:** Xuất phát từ chỗ cho rằng chủ đích của dân ta là muốn *bảo tồn* những giá trị truyền thống dân tộc, chống đồng hóa từ phương Bắc, đồng thời lại có thể học tập *được những giá trị từ các đạo ngoại lai* nên đê thực hiện sự "đối trọng" (hay "đối trọng") giữa hai nền văn hóa Ấn Độ (đại biểu là Phật) với nền Văn hóa Trung hoa (đại biểu là Nho và Lão). Chẳng hạn, khi nghiên cứu về giai đoạn đầu của sự du nhập ba đạo này ở xứ Giao châu hồi thế kỷ 1-2 có tác giả đê viết: "đê đối trọng với văn hóa Trung Hoa mà đại diện là Nho, người Việt Nam xưa đê dùng văn hóa Ấn Độ mà đại diện là Phật. Không phải ngẫu nhiên mà Phật giáo Việt Nam ở giai đoạn Bắc thuộc lại là Phật giáo mang đậm màu sắc Ấn Độ. Điểm này nói lên rằng trong những buổi đầu dựng nước và giữa nước, vô tình hay hữu ý, ông cha ta đê biết né tránh sự đồng hóa về mặt văn hóa của Hán tộc bằng cách đê cao một nền văn hóa khác lớn không kém gì văn hóa Trung Hoa - văn hóa Ấn độ mà đại diện là Phật giáo Ấn độ. Qua sự đối trọng này mà văn hóa bản địa vẫn đêc duy trì, giữ vững và tiếp tục đi theo con đường riêng của nó, phải chăng văn hóa Việt Nam giống như "tọa sơn quan hồ đấu". Cũng không hẳn như vậy. Văn hóa Việt Nam còn tiếp thu có chọn lọc những giá trị nhân bản khác qua những cuộc đụng độ của các hệ tư tưởng, văn hóa ngoại lai đê làm phong phú thêm cho nền văn hóa bản địa của mình". (12).

Có lẽ ý kiến sau đây cũng đồng quan điểm; cho rằng sự thâm nhập của Phật giáo vào Việt Nam trong suốt thời kỳ dài của lịch sử đê góp phần giúp nhân dân Việt Nam tránh đêc sự đồng hóa về mặt văn hóa của Trung quốc (13).

- **Quan điểm thứ tư:** Xuất phát từ tương quan giữa các đạo Nho - Phật - Lão với những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, mà tiêu biểu là giá trị tinh thần truyền thống yêu nước đê lý giải về xu hướng phát triển trội của Phật giáo trong thế "tam giáo hòa đồng". Chẳng hạn, có tác giả cho rằng "điền quan trọng nhất" là "nho giáo chưa hề cung cấp đêc cho nhân dân một ý thức tư tưởng, đê khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ... Một tư tưởng, một chủ nghĩa, một tôn giáo mà không đóng góp vào cuộc vận động độc lập tự chủ, thì đưng mong bắt rễ sâu trong dân chúng Việt Nam". Còn khi thì nói về đạo Lão ở Xứ Việt Nam thời Bắc thuộc thì tác giả cho rằng cái "hay" của nó đáng đê ý chỉ là "yêu thiên nhiên" (trong giới nhà Nho), còn trong quần chúng nhân dân thời Bắc thuộc thì nó cũng có ảnh hưởng "không kém gì Phật Giáo bao nhiêu" vì hai lý do: nó gần với tư tưởng tín ngưỡng ma thuật vốn có của người bản xứ và trong một thời gian dài nó tích cực cung cấp cho nông dân một ý thức tư tưởng trong các cuộc khởi

ngĩa vũ trang chống lại chính quyền đô hộ. Khác với hai đạo trên, tác giả cho rằng đạo Phật sở dĩ bén rễ và phát triển nhanh ở xứ Việt Nam là vì nó "dễ dàng chung sống với phong tục tập quán nhân dân bản địa, tự mình vốn theo phong tục tập quán ấy, chấp nhận tư tưởng tín ngưỡng ma thuật sẵn phổ biến" và "nó đã cung cấp một phần ý thức tư tưởng và cung cấp một số phật tử cho các phong trào chống đô hộ Hán, Đường" (14).

Như vậy, có thể thấy rằng cho tới nay còn có những ý kiến khác nhau trong việc giải quyết nguyên nhân của xu hướng phát triển trội của đạo Phật, so với Nho và Lão trong khoảng thời gian từ thế kỷ I đến thế kỷ XIV ở Việt Nam. Hình như một số tác giả đã nhận thấy nếu chỉ đứng trên một quan điểm nào đó (trong bốn quan điểm kể trên) thì không đủ sức thuyết phục nên thường kết hợp các quan điểm khác nhau trong việc giải thích.

Chúng tôi cho rằng muốn giải quyết đúng đắn nguyên nhân của xu hướng này thì cần phải xuất phát từ nội dung của mỗi đạo; Nho, Phật, Lão trong tương quan với những nhu cầu lịch sử đặt ra cho thời kỳ lịch sử trên một ngàn năm này. Chỉ có như vậy mới tìm được nguyên nhân cơ bản của nó - đó là phương pháp luận của triết học Mác xít áp dụng vào việc phân tích các hiện tượng lịch sử xã hội.

Đi theo phương pháp luận ấy có thể nói rằng những quan điểm nói trên đều có những khía cạnh hợp lý nhất định của chúng, bởi lẽ nhu cầu cơ bản của giai đoạn lịch sử Việt Nam được đề cập trên đây là đấu tranh giành độc lập dân tộc và bước đầu xây dựng một nền độc lập tự chủ. Và, đạo Phật Việt Nam với tư cách là một tiêu kiến trúc thượng tầng của xã hội Việt Nam đã có những đóng góp không thể nói là nhỏ vào quá trình giải quyết nhu cầu lịch sử ấy. Tuy nhiên, nếu nhìn vào giai đoạn lịch sử từ thế kỷ XV về sau này chúng ta vẫn nhận thấy rằng nhu cầu xây dựng, bảo vệ một nền độc lập dân tộc chống xâm lược và âm mưu đồng hóa của kẻ thù phương bắc vẫn là một nhu cầu thường trực. Thế song, ít nhất trong phạm vi cung đình và trong những phạm vi nhất định của đời sống tư tưởng và học thuật nước nhà, đạo Phật đã không còn được xu hướng và vị trí phát triển trội như trước đây nữa mà là đạo Nho. Điều đó cho thấy rằng nếu chỉ đứng trên những quan điểm như đã nêu trên đây chúng ta sẽ không lý giải được những nguyên nhân cơ bản của xu thế phát triển trội của đạo Phật trong khoảng từ thế kỷ I đến thế kỷ XIV. Bởi vậy, vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn nữa. Ít nhất cũng còn hai khía cạnh cần được tiếp cận.

- So với đạo Nho và Lão thì đạo Phật có tư cách tôn giáo rõ rệt, và với những tư liệu lịch sử còn lại đến nay cho thấy ảnh hưởng nhanh chóng và sâu rộng của đạo Phật trong phần lớn cư dân Việt Nam là tư cách Tôn giáo; từ tư cách này đạo Phật đã "bành trướng" sang nhiều lĩnh vực khác như đạo đức, văn học nghệ thuật, lễ hội truyền thống, kiến trúc v.v... Việt Nam.

Điều này cho phép giả định rằng nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo là một nhu cầu khá phổ biến và có thể là khá trội, khá trường cửu trong cuộc sống cư dân Việt Nam, ít nhất cũng là trong khoảng thời gian được đề cập trên đây.

Khía cạnh này của vấn đề chỉ được giải quyết triệt để khi giải quyết được khía cạnh thứ hai.

- Mỗi tiêu kiến trúc thượng tầng của xã hội, suy đến cùng, chỉ được thiết lập và tồn

tại trên một cơ sở hạ tầng nhất định, và xu thế phát triển trội hay không trội của nó được quy định, và xu thế phát triển trội hay không trội của nó được quy định bởi tính chất của kết cấu hạ tầng của xã hội. Bởi thế, chỉ có thể giải quyết triệt để vấn đề nguyên nhân của xu hướng phát triển trội của đạo Phật từ thế kỷ I đến thế kỷ XIV trong lịch sử Việt Nam nếu dựa trên cơ sở phân tích hệ thống cấu trúc kinh tế - xã hội Việt Nam trong giai đoạn lịch sử ấy, trong đó cần đặc biệt chỉ ra sự khác biệt giữa cấu trúc này với cấu trúc kinh tế - xã hội Việt Nam từ thế kỷ XV về sau. Trong những cấu trúc ấy có thể giả định rằng đạo Phật và đạo Nho cũng như đạo Lão đã có những ưu thế trội khác nhau với tư cách là những "chất kết dính" của những sinh hoạt xã hội Việt Nam trong những giai đoạn lịch sử khác nhau.

CHÚ THÍCH:

(1) (4) (5): *"Lịch sử Phật giáo Việt Nam"* chủ biên: Nguyễn Tài Thư. NXB Khoa học xã hội, 4, 1988, các trang: 270, 54, 60.

(2) Nguyễn Hùng Hậu: *"Thư bàn về một vài tư tưởng Phật giáo (qua tác phẩm "Khóa hư lục")*. Tạp chí triết học. Số 1/3/1989. Trang 62.

(3). Trần Đình Hượu: *Tư tưởng hay triết học và nội dung thực tiễn của cách đặt vấn đề đó trong việc nghiên cứu ý thức hệ Việt Nam*. Tạp chí Triết học số 4/11-84 trang 33.

(6). *Dại Việt sử ký toàn thư (dịch theo bản khắc in năm chính hòa thứ 18 (1697))*. NXB Khoa học xã hội 4, 1983 trang 153.

(7). Xin xem tác giả Nguyễn Huệ Chi, bài: *Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý - Trần từ một trung tâm Phật giáo tiêu biểu Quỳnh Lâm*. Tạp chí văn học, số 4/1992. (Đặc san văn học Phật giáo Việt Nam).

(8). (14). Trần Văn Giàu: *"Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam"*. NXB Khoa học xã hội, 4.1980. các trang: 69-75.

(9) (12): Nguyễn Hùng Hậu: *"Lý hoặc luận - cuộc đụng độ đầu tiên giữa Nho, Phật, Lão ở Giao Châu dưới chính quyền Sĩ Nhiếp"*. Tạp chí Triết học số 2/1992. Trang 49.

(10) Văn Tân: *"Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý - Trần"*. Trang 12 - 13. Tạp chí "Nghiên cứu lịch sử". Số 42/9 - 1992.

(11) - Quang Đạm: *Quan hệ giữa Phật và Nho từ cổ đại đến cận đại (in trong: Những vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. UBKHXHVN, Viện triết học, 4. 1986. trang 267 - 268.

(13) P.V.Pozner: *Vấn đề những quan hệ cổ đại giữa Việt Nam và Ấn Độ*. Trong cuốn: *"Ấn Độ cổ đại - Những liên hệ lịch sử văn hóa"*. NXB "khoa học" M, 1982 trang 241.

ABOUT UPPER TENDENCY OF DEVELOPMENT OF BUDDHISM IN
CORRELATION WITH "THREE IDEASMS", CONFUCIANISM - BUDDHISM -
TAOISM (FROM CENTURY I TO THE END OF CENTURY XIV) IN VIETNAM
AND ITS REASONS.

PHAM VAN SINH

The author presented one feature of process of development of Vietnamese cultural and ideal history under upper affect of Buddhism from Century I to the end of Century XIV, and, pointed out 4 different point of views of the explanation of the reasons of this feature. The author also showed the approach to the reasons for this feature from Marxism historical materializm aspect.

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI
TẠP CHÍ KHOA HỌC No 5 - 1993

HỆ ĐỘNG TỪ VÀ CÂU LIÊN HỆ
TRONG TIẾNG LÀO

BUALI PAPHAPHAN

Hệ động từ (còn gọi là động từ liên hệ hay động từ hệ từ) được nhà Việt ngữ học Nguyễn Kim Thân giải thích là những từ có tác dụng "vị ngữ hóa từ chỉ đặc trưng loại biệt của chủ thể" nghĩa là cùng với từ này (thường là danh từ) đảm nhiệm chức năng vị ngữ của câu ⁽¹⁾. Loại câu có vị ngữ kiểu này được gọi là câu liên hệ, mô hình S - Vaux - P⁽²⁾. Trong tiếng Lào, có thể kể ra 3 từ thuộc phạm trù hệ động từ là *mèn*, *khưư*, và *pên* (hoặc *Kai Pên*, *Piễn Pên*...).

Mèn vốn có nghĩa là "đúng, phải, đích thực". Do đó, bên cạnh khả năng làm vị ngữ của câu liên hệ cùng với P (ví dụ: *Khấu mèn Nāk - hiên / Anh ấy là sinh viên*), nó còn có thể đóng vai trò định ngữ của thể từ (danh từ, đại từ) hay thuật từ (động tính từ) như một thực từ chân chính, ví dụ:

Lau vạu khoam *mèn* (Anh ta nói chuyện *phải* (thật)).

Lau vạu *mèn* (Anh ta nói *phải* (*đúng*)).